TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2022
V/v tranh chấp " Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Thị Huệ**
2. Bà **Phạm Thị Cẩm Hà**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Ấp 7 Xáng I, xã Đông H, huyện A, tỉnh K.
* **Bị đơn**: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1976.
HKTT: Ấp 7 Xáng I, xã Đông H, huyện A, tỉnh K.
Chổ ở hiện nay: Ấp 8 Xáng I, xã Đông H, huyện A, tỉnh K.
(Anh T có đơn xin vắng mặt; Chị Q có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:***

Anh và chị Q chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương trước sự chứng kiến của cha mẹ và bà con thân tộc hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh và chị Q bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày và không còn tình cảm với nhau. Vì vậy anh, chị đã ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên quyết định ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/02/1997. Hiện con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo tờ tự khai và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày*:**

Do quen biết chị và anh T tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh, chị không còn thương nhau nữa nên đồng ý thỏa thuận ly hôn, trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/02/1997, đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh T: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Chị Q: Chị xác định đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T. Về con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị Q xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị

Hội đồng xét xử không công nhận anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị Q là vợ chồng. Anh T và chị Q xác định có 01 con chung đã trưởng thành có gia đình riêng tư và tự lao động được nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: anh T và chị Q xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Lê Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Q thống nhất trình bày do quen biết anh, chị chung sống với nhau từ năm 1996 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày và không còn tình cảm với nhau. Anh, chị nhận thấy không thể hàn gắn được nữa. Nên yêu cầu Hội đồng xét xử cho anh, chị được ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đông H xác nhận anh Lê Minh T, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976 chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh T và chị Q đã thật sự trầm trọng vì cả hai dều xác định không còn tình cảm với nhau. Đồng thời anh chị đã ly thân thời gian khá lâu mà vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Q, thì chị Q cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định anh T và chị Q không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị Q xác định có 01 chung tên Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/02/1997, đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 227, 228, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh T và chị Q xác định có 01 chung tên Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/02/1997, đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005325 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên cấn trừ xem như anh T đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU